

# PHÁT TRIỂN CNHT ĐỂ THAM GIA CHUỖI GIÁ TRỊ TOÀN CẦU

Lê Huyền Nga

Cục Công nghiệp, Bộ Công Thương

Phát triển công nghiệp hỗ trợ (CNHT) là một trong những giải pháp quan trọng để phát triển đất nước theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Trong bối cảnh hội nhập và phát triển, CNHT Việt Nam đang đứng trước cơ hội rất lớn để được kết nối, tham gia vào chuỗi giá trị của các tập đoàn đa quốc gia. Tuy nhiên, do thiếu các doanh nghiệp “đầu tàu”, đủ khả năng dẫn dắt nên lĩnh vực CNHT còn kém phát triển. Chính vì vậy, đẩy nhanh việc tiếp nhận chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo, nâng cao năng lực sản xuất... là giải pháp quan trọng giúp các doanh nghiệp CNHT trong nước có thể tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu.

## Khoảng trống của các doanh nghiệp CNHT trong nước

Theo thống kê của Bộ Công Thương, Việt Nam hiện có 2.000 doanh nghiệp sản xuất phụ tùng, linh kiện, trong đó chỉ có khoảng 300 doanh nghiệp tham gia được vào mạng lưới sản xuất của các tập đoàn đa quốc gia. Số doanh nghiệp đang hoạt động trong CNHT chiếm khoảng 4,5% tổng số doanh nghiệp của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo và tạo việc làm cho hơn 600.000 lao động. Một số doanh nghiệp sản xuất linh kiện của Việt Nam có năng lực tốt ở các lĩnh vực như: sản xuất khuôn mẫu các loại; linh kiện xe đạp, xe máy; linh kiện cơ khí tiêu chuẩn; dây cáp điện; linh kiện nhựa - cao su kỹ thuật; tấm lớp các loại... Các sản phẩm này đã đáp ứng tốt nhu cầu trong nước và được xuất khẩu sang nhiều quốc gia trên thế giới. Doanh nghiệp CNHT trong nước cũng ngày càng tích cực áp dụng các tiêu chuẩn, công cụ quản lý hiện đại vào sản xuất, chế tạo. Tuy nhiên, thực trạng chung của ngành CNHT là quy mô và

năng lực của các doanh nghiệp còn nhiều hạn chế: số lượng ít, năng lực sản xuất còn thấp, thiếu nguồn lực và công nghệ để nâng cao năng suất, nguồn nhân lực chưa đáp ứng được yêu cầu. Các sản phẩm CNHT trong nước chủ yếu vẫn là linh kiện và chi tiết đơn giản, với hàm lượng công nghệ trung bình và thấp, có giá trị nhỏ trong cơ cấu giá trị sản phẩm.

Hiện nay, do CNHT kém phát triển, các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo của Việt Nam phụ thuộc nhiều vào nguồn cung cấp nguyên phụ liệu, linh kiện đầu vào nhập khẩu, đặc biệt là các ngành công nghiệp chủ lực (điện tử, dệt may, da giày - túi xách, sản xuất và lắp ráp ô tô...). Chính vì vậy, khi dịch bệnh COVID-19 xuất hiện và diễn biến phức tạp tại các quốc gia cung ứng linh kiện sản xuất chủ yếu cho Việt Nam như Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản..., các ngành công nghiệp trong nước đã gặp rất nhiều khó khăn trong việc bảo đảm các yếu tố đầu vào sản xuất.

Việc đánh giá tác động của đại dịch COVID-19 đến các ngành

sản xuất trong nước đã cho thấy, một trong những điểm yếu nhất của kinh tế Việt Nam chính là nội lực của ngành sản xuất còn hạn chế, phụ thuộc rất lớn vào các chuỗi cung ứng từ nước ngoài. CNHT kém phát triển khiến Việt Nam không tự chủ được về các yếu tố đầu vào của sản xuất, dẫn đến tình trạng phụ thuộc phần lớn vào linh phụ kiện, nguyên vật liệu nhập khẩu, khiến giá trị gia tăng của các ngành công nghiệp nội địa rất thấp.

Vài năm gần đây, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đã chiếm tỷ trọng cao trong tổng doanh thu thuần sản xuất kinh doanh của nền kinh tế, nhưng chỉ đóng góp khoảng gần 14% GDP, giá trị gia tăng rất thấp so với các ngành công nghiệp khác. Số liệu của Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) cho thấy, 5 năm trở lại đây, trong cơ cấu giá trị gia tăng các sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam, giá trị gia tăng từ nước ngoài vẫn chiếm tỷ lệ lớn, trong khi tỷ lệ giá trị gia tăng nội địa vẫn còn thấp và chưa có nhiều chuyển dịch đáng kể (2 mặt hàng

xuất khẩu chủ lực của Việt Nam là dệt may và điện tử có tỷ lệ giá trị gia tăng trong nước lần lượt là hơn 50% và hơn 37%). Điều này không chỉ ảnh hưởng đến việc phát triển sản xuất và tăng trưởng kinh tế trong ngắn hạn, mà còn liên quan đến phát triển công nghiệp và nền kinh tế trong bối cảnh hội nhập ngày càng sâu rộng.

Tình trạng trên xuất phát từ nhiều nguyên nhân, trong đó phải kể đến những hạn chế về nguồn lực để tổ chức thực hiện các chính sách. Ví dụ như, vẫn còn thiếu các chính sách phát triển các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo được ưu tiên phát triển như điện tử, cơ khí, sản xuất và lắp ráp ô tô, dệt may, da giày... nhằm tạo thị trường cho các sản phẩm CNHT. Một số chính sách tuy đã được ban hành, nhưng vẫn chậm so với thực tiễn, chưa tạo thuận lợi tối đa cho phát triển CNHT. Các chính sách ưu đãi đối với các dự án sản xuất sản phẩm CNHT vẫn chưa tạo được động lực cho các doanh nghiệp nội địa. Số lượng doanh nghiệp CNHT Việt Nam được hưởng các ưu đãi còn ít ỏi so với các doanh nghiệp FDI. Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp CNHT hiện nay được cụ thể hóa tại Chương trình phát triển CNHT được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt năm 2017 nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp CNHT Việt Nam nâng cao năng lực sản xuất, quản trị doanh nghiệp, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thúc đẩy chuyển giao công nghệ, nghiên cứu và phát triển, từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp CNHT Việt Nam và tăng cơ hội tham gia sâu vào chuỗi sản xuất toàn cầu. Tuy



nhiên với nguồn lực hỗ trợ có hạn, vẫn cần một quá trình dài để các doanh nghiệp CNHT Việt Nam có thể bứt phá, cạnh tranh được với các doanh nghiệp FDI cũng như đáp ứng được các yêu cầu của khách hàng.

Các chính sách tín dụng ưu đãi đối với doanh nghiệp CNHT được ra đời khá sớm, từ năm 2011. Tuy nhiên, các chính sách tín dụng đã ban hành có hiệu quả và hiệu lực rất thấp, hầu như chưa hỗ trợ được cho các doanh nghiệp CNHT. Các doanh nghiệp CNHT vẫn chưa tiếp cận được các nguồn vốn vay ưu đãi, khiến cho khả năng mở rộng sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh còn nhiều trở ngại, khó khăn. Hiện nay, các doanh nghiệp FDI hoạt động trong cùng lĩnh vực CNHT thường vay vốn từ công ty mẹ hoặc từ ngân hàng nước ngoài với lãi suất chỉ từ 1-3%, trong khi đó các doanh nghiệp trong nước phải vay với lãi suất từ 8-10%, sự chênh lệch lớn này đã làm triệt tiêu sự cạnh tranh của các doanh

nh nghiệp trong nước. Trong điều kiện cạnh tranh khốc liệt từ các doanh nghiệp FDI cũng như bối cảnh đại dịch bệnh COVID-19, việc xây dựng gói tín dụng ưu đãi có thời hạn với cơ chế vay vốn thương mại được ngân sách nhà nước cấp bù chênh lệch lãi suất tương tự như gói tín dụng phát triển nông nghiệp công nghệ cao để phát triển các ngành công nghiệp ưu tiên là rất cần thiết.

Sản phẩm CNHT trong nước còn đơn giản, hàm lượng công nghệ trung bình và thấp, có giá trị nhỏ trong cơ cấu giá trị sản phẩm. Khả năng tự cung ứng các sản phẩm CNHT còn nhiều bất cập. Tình trạng nhập siêu nguyên liệu, linh kiện, phụ tùng rất lớn, tỷ lệ nội địa hóa các ngành công nghiệp còn thấp. Các sản phẩm CNHT có hàm lượng công nghệ cao vẫn chủ yếu do các doanh nghiệp FDI cung cấp. Các doanh nghiệp CNHT Việt Nam còn nhiều hạn chế về năng lực tổ chức quản lý sản xuất và công nghệ; thiếu nguồn lực để đổi mới; lĩnh vực

## ■ **Diễn đàn Khoa học và Công nghệ**

sản xuất khá giống nhau, cả về trình độ, quy mô, công nghệ và sản phẩm; chưa đủ năng lực cung cấp linh kiện và phụ tùng đáp ứng các yêu cầu để tham gia sâu vào chuỗi sản xuất toàn cầu. Đặc biệt, Việt Nam còn thiếu các doanh nghiệp “đầu tàu”, đủ khả năng dẫn dắt các lĩnh vực CNHT phát triển. Bên cạnh đó, việc đầu tư cho nghiên cứu và phát triển (R&D) của doanh nghiệp cũng chưa được chú trọng do thiếu vốn đầu tư, tiềm lực tài chính chưa đủ mạnh và thiếu nguồn nhân lực kỹ thuật cao.

### **Giải pháp cơ bản để phát triển CNHT**

Nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về cơ chế, chính sách liên quan đến CNHT; cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, thu hút, đón dòng vốn đầu tư và làn sóng dịch chuyển sản xuất của các công ty đa quốc gia; đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp CNHT và công nghiệp chế biến, chế tạo phát triển, nâng cao năng lực cạnh tranh, ngày 6/8/2020, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 115/NQ-CP về các giải pháp thúc đẩy phát triển CNHT với nhiều chính sách mới kỳ vọng sẽ tạo được “cú huyích” cho CNHT. Nghị quyết đặt mục tiêu đến năm 2025 doanh nghiệp Việt Nam có khả năng sản xuất các sản phẩm CNHT có tính cạnh tranh cao, đáp ứng được 45% nhu cầu thiết yếu cho sản xuất, tiêu dùng nội địa; chiếm khoảng 11% giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp; có khoảng 1.000 doanh nghiệp đủ năng lực cung ứng trực tiếp cho các doanh nghiệp lắp ráp và tập đoàn đa quốc gia trên lãnh thổ Việt Nam, trong đó doanh nghiệp trong nước chiếm khoảng 30%. Năm

2030, sản phẩm CNHT đáp ứng 70% nhu cầu cho sản xuất, tiêu dùng trong nội địa, chiếm khoảng 14% giá trị sản xuất công nghiệp. Có khoảng 2.000 doanh nghiệp đủ năng lực cung ứng trực tiếp cho các doanh nghiệp lắp ráp và tập đoàn đa quốc gia trên lãnh thổ Việt Nam. Để làm được điều đó, vấn đề quan trọng là chúng ta phải từng bước tự chủ nguồn nguyên - vật liệu, linh phụ kiện cho sản xuất trong nước. Bên cạnh đó, cũng cần có các giải pháp nhất quán, gồm:

*Một là*, xây dựng, hoàn thiện và triển khai hiệu quả, đồng bộ các cơ chế, chính sách đặc thù phát triển CNHT và các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ưu tiên phát triển, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho phát triển CNHT. Tiếp tục thực hiện chính sách ưu đãi về lãi suất đối với doanh nghiệp CNHT và công nghiệp chế biến, chế tạo; ưu tiên phát triển khi vay vốn ngắn hạn tại tổ chức tín dụng. Nhà nước cần có cơ chế cấp bù chênh lệch lãi suất (tối đa 5%/năm) đối với các khoản vay trung và dài hạn của các doanh nghiệp để thực hiện dự án sản xuất sản phẩm CNHT ưu tiên phát triển.

*Hai là*, thu hút đầu tư hiệu quả và thúc đẩy kết nối kinh doanh, liên kết giữa các doanh nghiệp Việt Nam với các doanh nghiệp đa quốc gia, các công ty sản xuất, lắp ráp trong nước và nước ngoài; xây dựng các khu CNHT tập trung để tạo cụm liên kết ngành; phát triển các ngành công nghiệp sản xuất vật liệu nhằm tự chủ về nguyên vật liệu đầu vào cho sản xuất, giảm phụ thuộc nguồn nhập khẩu, nâng cao vị trí của doanh nghiệp Việt Nam trong chuỗi giá

trị toàn cầu.

*Ba là*, thúc đẩy phát triển thị trường nội địa và thị trường ngoài nước để tạo điều kiện phát triển CNHT và các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ưu tiên; tìm kiếm, mở rộng các thị trường ngoài nước trên cơ sở tận dụng các hiệp định thương mại tự do FTA đã ký kết; triển khai các biện pháp hỗ trợ các doanh nghiệp CNHT và công nghiệp chế biến, chế tạo ưu tiên tham gia hiệu quả các FTA...

*Bốn là*, xây dựng và vận hành hiệu quả các trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp vùng và địa phương nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp CNHT và công nghiệp chế biến, chế tạo ưu tiên; đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, nghiên cứu - phát triển, chuyển giao công nghệ, nâng cao năng lực cạnh tranh và năng suất, chất lượng sản phẩm.

*Năm là*, tập trung nâng cao năng lực khoa học và công nghệ cho doanh nghiệp CNHT nhằm tạo sự bứt phá về hạ tầng công nghệ, chuyển giao công nghệ, nâng cao năng lực hấp thụ công nghệ của doanh nghiệp CNHT.

*Sáu là*, phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực CNHT và công nghiệp chế biến, chế tạo thông qua các chương trình, kế hoạch quốc gia về nâng cao tay nghề, thúc đẩy liên kết giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp ✍